TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày 19/6/2020.
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con giữa chị T và anh L"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Lê Thị Tranh.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Đáng

Ông Kim Na Rinh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 201/2020/TLST-HNGĐ, ngày 23/4/2020 về việc *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐST-HN, ngày 02/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2000;
Địa chỉ: Ấp Số 4, xã MC, huyện C L, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Phước Lộc, sinh năm 1998;
Địa chỉ: Ấp CGB, xã HMĐ, huyện C N, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Phước L do mai mối và tìm hiểu đến năm 2016 xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã MC, huyện C L, tỉnh Trà Vinh, thời gian chung sống chị và anh L có 01 con chung tên Trần Thị M, sinh ngày 08/9/2016 hiện đang sống với anh L, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do anh L uống rượu nhiều và hay đánh đập chị cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và tôi bỏ về nhà cha mẹ ruột

sống từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay nên tình cảm giữa vợ chồng không còn. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Phước L.

Về nuôi con tên: Trần Thị M, sinh ngày 08/9/2016 anh L đang nuôi dưỡng chị yêu cầu được nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung Trần Thị M đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay chị T rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn, chị không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T không tranh chấp, không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Trần Phước L trình bày:

Về xác lập quan hệ hôn nhân, về kết hôn, về con chung chị T trình bày là đúng. Về tài sản chung anh không khởi kiện, không tranh chấp và không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, về số nợ phải thu, phải trả không có không yêu cầu. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh thừa nhận có uống rượu khi vợ chồng cải vả anh có đánh đập chị T từ đó chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống hơn một năm nay, từ khi ly thân cho đến nay mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau, mọi nhu cầu thiết yếu hàng ngày mỗi người tự lo liệu để sinh sống.

Nay anh xét thấy còn thương vợ con và mong muốn đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc, trường hợp chị T đồng ý để anh nuôi con và anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con thì anh đồng ý ly hôn; về tài sản chung của vợ chồng anh không khởi kiện, không tranh chấp và không đặt ra không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có anh không yêu cầu. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh L, về con chung giao cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nhưng tại phiên tòa hôm nay chị T rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con xét thấy cần được chấp nhận và đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T. Ngoài ra về

tài sản chung do chị T không khởi kiện nên không xem xét giải quyết, về số nợ phải thu, phải trả không có không yêu cầu nên không xem xét, án phí chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Trần Phước L có nơi cư trú trên địa bàn huyện CN, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C N theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn của chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Phước Lvà yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh anh Trần Phước L xác lập quan hệ hôn nhân năm 2016 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 08 và Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị T và anh L là hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống giữa chị T và anh L tuy chưa thống nhất nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẽ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh chị T và anh L đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không còn quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, một năm nay anh chị ly thân nhưng anh chị cũng không quan tâm đến cuộc sống gia đình làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạng nức. Tòa án đã hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T và anh L không đoàn tụ được mạnh ai nấy sống không còn quan tâm với nhau, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. chị T xin được ly hôn với anh L là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T và anh L được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Xét thấy cháu Trần Thị M, sinh ngày 08/9/2016 là con của chị T và anh L, trong thời gian vợ chồng ly thân từ tháng 5/2019 đến nay cháu M sống với anh L, được anh L nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo về mọi mặt. Tại phiên tòa anh L xin được quyền nuôi dưỡng con chung là phù hợp, để cháu M có cuộc sống ổn định về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu M cho anh L

được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2020 chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi tại phiên tòa hôm nay chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung xét thấy việc rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị T là tự nguyện nên Hội đồng xét xử xét thấy cần được chấp nhận và đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay anh L được Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng anh L không tranh chấp, không khởi kiện không đặt ra yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị T và anh L không khởi kiện, không tranh chấp. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị T và anh L khai không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 217, 218, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Trần Phước L được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Giao con chung tên Trần Thị M, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2016 cho anh Trần Phước L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng anh L không tranh chấp, không khởi kiện không đặt ra yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Nguyễn Thị T.

Về tài sản chung: Chị T và anh L không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị T và anh L không tranh chấp, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0007067, ngày 16/4/2020 do chị T nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu, chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Tranh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã MC huyện C L, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu HSVA.